

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1121/TTg-QHĐP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp, tạo điều kiện tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp;

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-MTTQ-BTT ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về việc tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3151/STC-QLNS ngày 18 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 cho các xã, phường, đặc khu, với tổng kinh phí là 9.085.220.000 đồng từ nguồn ngân sách tỉnh tại Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

(chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung rà soát, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí theo định mức và nguồn kinh phí theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, cấp kinh phí tại Điều 1 Quyết định này cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm về nội dung, mức chi theo quy định. Đồng thời, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, không để xảy ra thất thoát, lãng phí và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực XV có trách nhiệm kiểm soát chi, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Kho bạc Nhà nước Khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, P.NC;
- Lưu: VT. KTTH_{NTS}

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Giang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên địa phương	Số tiền	Ghi chú
Tổng cộng		9.085.220.000	
1	Xã Tịnh Khê	100.000.000	
2	Xã An Phú	100.000.000	
3	Xã Nguyễn Nghiêm	62.575.000	
4	Xã Khánh Cường	95.800.000	
5	Xã Bình Minh	100.000.000	
6	Xã Bình Chương	100.000.000	
7	Xã Bình Sơn	100.000.000	
8	Xã Vạn Tường	100.000.000	
9	Xã Đông Sơn	100.000.000	
10	Xã Trường Giang	100.000.000	
11	Xã Ba Gia	100.000.000	
12	Xã Sơn Tịnh	100.000.000	
13	Xã Thọ Phong	100.000.000	
14	Xã Tư Nghĩa	100.000.000	
15	Xã Vệ Giang	100.000.000	
16	Xã Nghĩa Giang	100.000.000	
17	Xã Trà Giang	94.350.000	
18	Xã Nghĩa Hành	100.000.000	
19	Xã Đình Cương	100.000.000	
20	Xã Thiện Tín	100.000.000	
21	Xã Phước Giang	100.000.000	
22	Xã Long Phụng	100.000.000	
23	Xã Mộ Cày	100.000.000	
24	Xã Mộ Đức	100.000.000	
25	Xã Lân Phong	100.000.000	
26	Xã Trà Bồng	100.000.000	
27	Xã Đông Trà Bồng	100.000.000	
28	Xã Tây Trà	100.000.000	
29	Xã Thanh Bồng	100.000.000	
30	Xã Cà Đam	100.000.000	
31	Xã Tây Trà Bồng	100.000.000	
32	Xã Sơn Hạ	100.000.000	
33	Xã Sơn Linh	100.000.000	
34	Xã Sơn Hà	74.750.000	
35	Xã Sơn Thủy	100.000.000	

STT	Tên địa phương	Số tiền	Ghi chú
77	Xã Sa Thầy	100.000.000	
78	Xã Sa Bình	100.000.000	
79	Xã Ya Ly	100.000.000	
80	Xã Đăk Kôi	100.000.000	
81	Xã Kon Braih	100.000.000	
82	Xã Đăk Rve	100.000.000	
83	Xã Măng Đen	100.000.000	
84	Xã Kon Plông	100.000.000	
85	Phường Kon Tum	100.000.000	
86	Phường Đăk Cẩm	100.000.000	
87	Phường Đăk Bla	100.000.000	
88	Xã Đăk Long	100.000.000	
89	Xã Rờ Kơi	100.000.000	
90	Xã Mô Rai	100.000.000	
91	Xã Ia Đal	100.000.000	
92	Dục Nông	100.000.000	